

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

3

HUYỀN SỬ ĐỜI HÙNG

BÁNH CHƯNG BÁNH DÀY - TRÁU CAU - QUẢ DƯA ĐỎ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
TÔN NỮ QUỲNH TRẦN - PHAN AN
Họa sĩ
VŨ DŨNG



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 3: HUYỀN SỬ ĐỜI HÙNG
BÁNH CHƯNG BÁNH GIẤY - TRÁU CAU - QUẢ DƯA ĐỎ

Tái bản lần thứ 6

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Huyền sử đời Hùng / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn ; họa sĩ
Vũ Dũng. - Tái bản lần 6. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013

80 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.3).

1. Triều đại Hồng Bàng, 2879-258 trước công nguyên (Truyền thuyết) — Sách tranh. 2.
Việt Nam — Lịch sử — Đến 939 — Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng. II. Tôn Nữ Quỳnh Trân.
III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Hong Bang dynasty, 2879-258 B.C. (Legendary) — Picture books. 2. Vietnam —
History — To 939 — Picture books.

959.7012 — dc 22

H987

LỜI GIỚI THIỆU

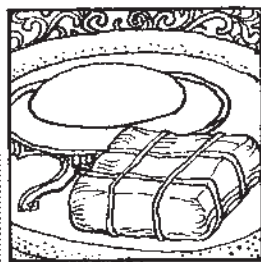
Sau khi thoát được nạn ngoại xâm dưới thời Hùng Vương thứ sáu, cư dân Văn Lang lại bắt tay vào việc xây dựng đất nước. Và trong cuộc sống đời thường, với đà phát triển của kinh tế cũng như văn hóa, dần dần, dân Lạc hình thành nên những nếp thuần phong mỹ tục đậm đà, đặc trưng cho dân tộc tính của dân ta. Do không có tư liệu ghi chép lại về cuộc sống lúc bấy giờ, nên mỗi câu chuyện như bánh Chung, bánh Giầy, Trầu Cau, Sự tích quả dưa đỏ,... chính là những tư liệu quý giá giúp ta hiểu biết thêm về cuộc sống của dân Lạc lúc bấy giờ: tập tục ăn Tết, chuyện cưới xin, việc trồng trọt,... Qua đó, ta càng khâm phục thêm ý chí và quyết tâm của người xưa, không ngại khó, không ngại khổ, lại hiếu thuận cùng cha mẹ, anh em thương yêu nhau, vợ chồng đồng tâm.

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 3 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Huyền sử đời Hùng”** phần lời do Tôn Nữ Quỳnh Trân – Phan An biên soạn, phần hình ảnh do họa sĩ Vũ Dũng thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 3 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BÁNH CHỪNG BÁNH GIẦY

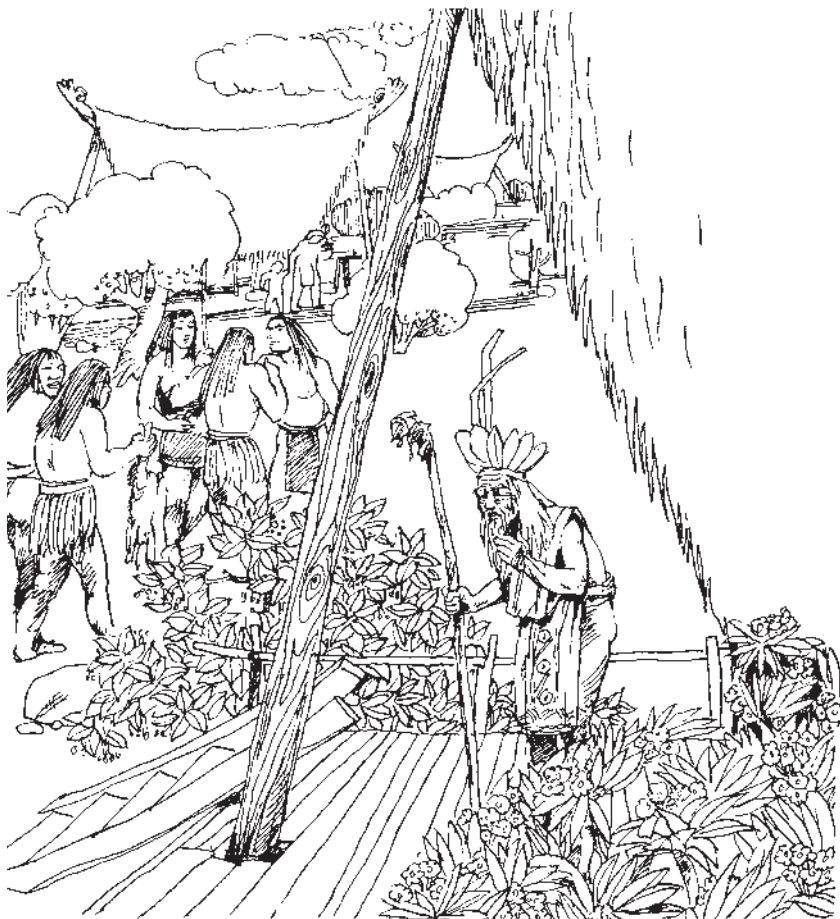


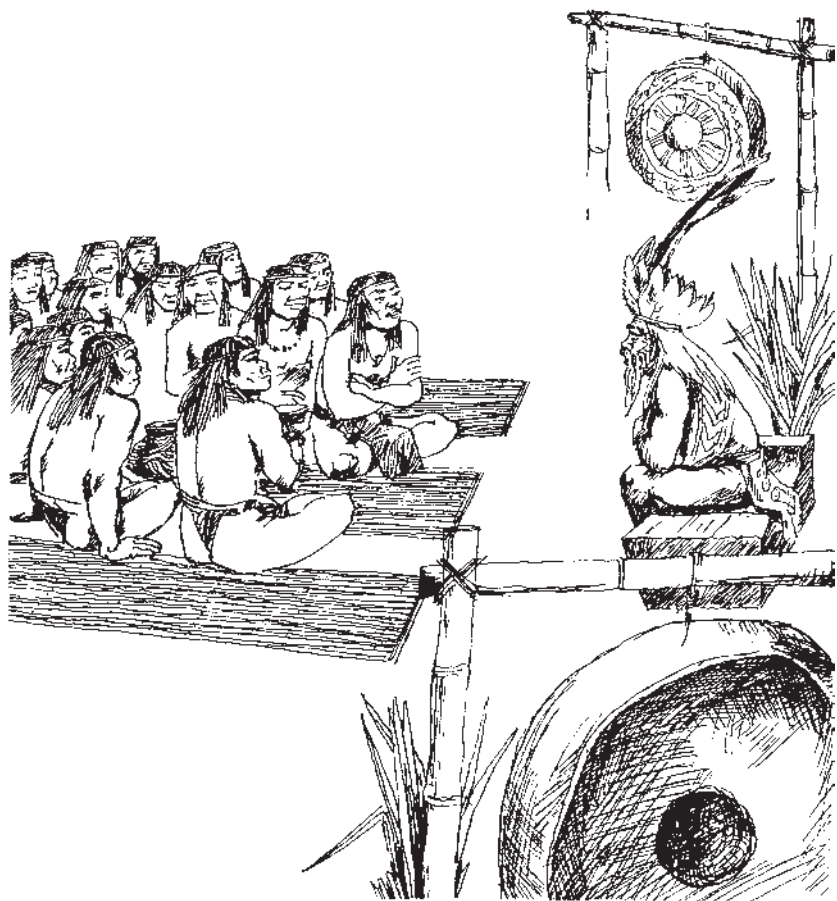
TÔN NỮ QUỲNH TRẦN - VŨ DŨNG

Truyện bánh Chung, bánh Giầy cho chúng ta biết người dân Lạc Việt đã biết chế biến thức ăn và tập tục dùng bánh Chung, bánh Giầy cúng trời đất tổ tiên trong ngày tết. Điều đó chứng tỏ nếp sống văn hóa đã được hình thành. Truyện còn nói lên được trình độ tư duy của con người Lạc Việt lúc đó: Quan niệm trời tròn đất vuông, công ơn cha mẹ sánh bằng Trời Đất.

Ngoài ra truyện còn cho thấy ngay từ thời đại Hùng Vương, các vua Hùng đã cân nhắc kỹ càng khi chọn người nối ngôi có đủ tài đức để lo cho dân.

Sau khi phá được giặc Ân, Hùng Vương thứ sáu tự thấy tuổi đã già, sức đã yếu, muốn truyền ngôi cho con. Nhưng vua có đến 22 người con. Người nào cũng thông minh, chăm chỉ. Biết chọn ai đây? Vua suy nghĩ ngày đêm, phân vân, băn khoăn. Người con trưởng ư? Không được, nó hay đau ốm. Làm vua thì phải khỏe mạnh cường tráng mới giúp dân chúng được. Hay là chọn người thứ hai? Nó xem chừng chậm chạp quá. Cứ thế, vua loay hoay, không đi đến được một quyết định nào.



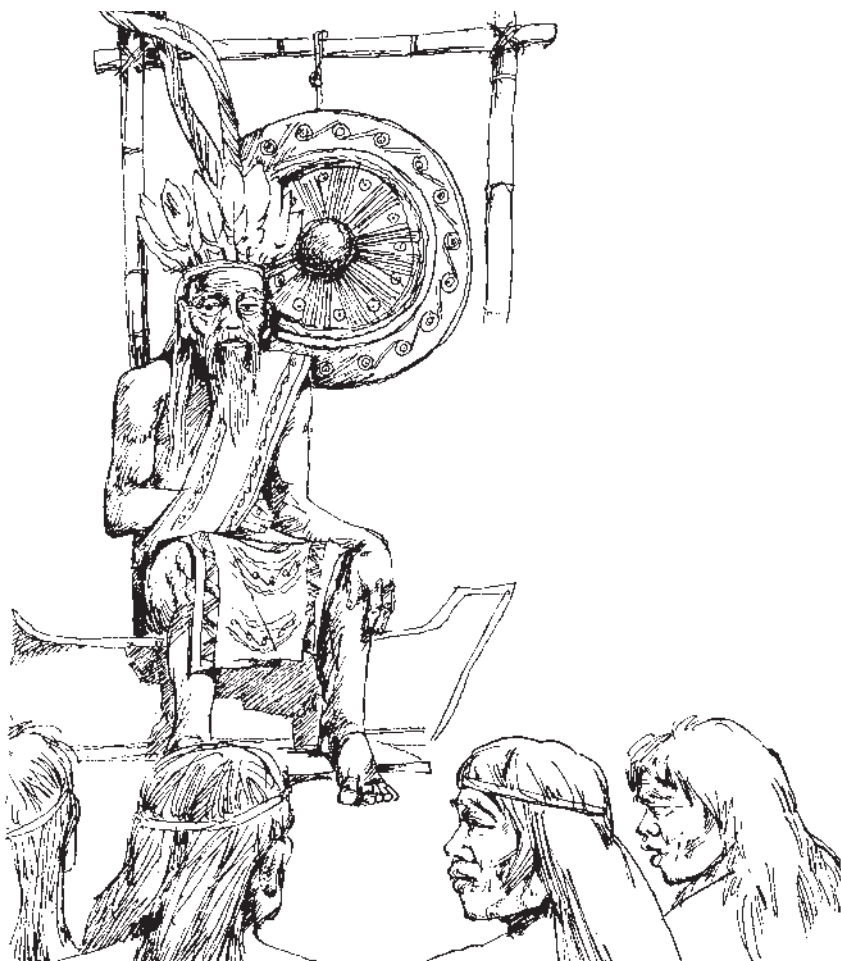


Suy tính mãi, cuối cùng nghĩ ra một kế, nhà vua bèn triệu hai mươi hai vị Quan lang lại bảo rằng:

- Các con! Ta nay đã già cần có người thay ta gánh vác việc nước. Trong các con, ai kiếm được của ngon vật lạ để cúng tế tiên vương^(*) vào cuối năm, làm cho ta trọn đạo hiếu thì ta sẽ truyền ngôi cho. Các con nên gắng sức để ta không hổ thẹn cùng ông bà tổ tiên và để cho con đỡ nỗi theo nữa.

* Tức là các vị vua đã mất.

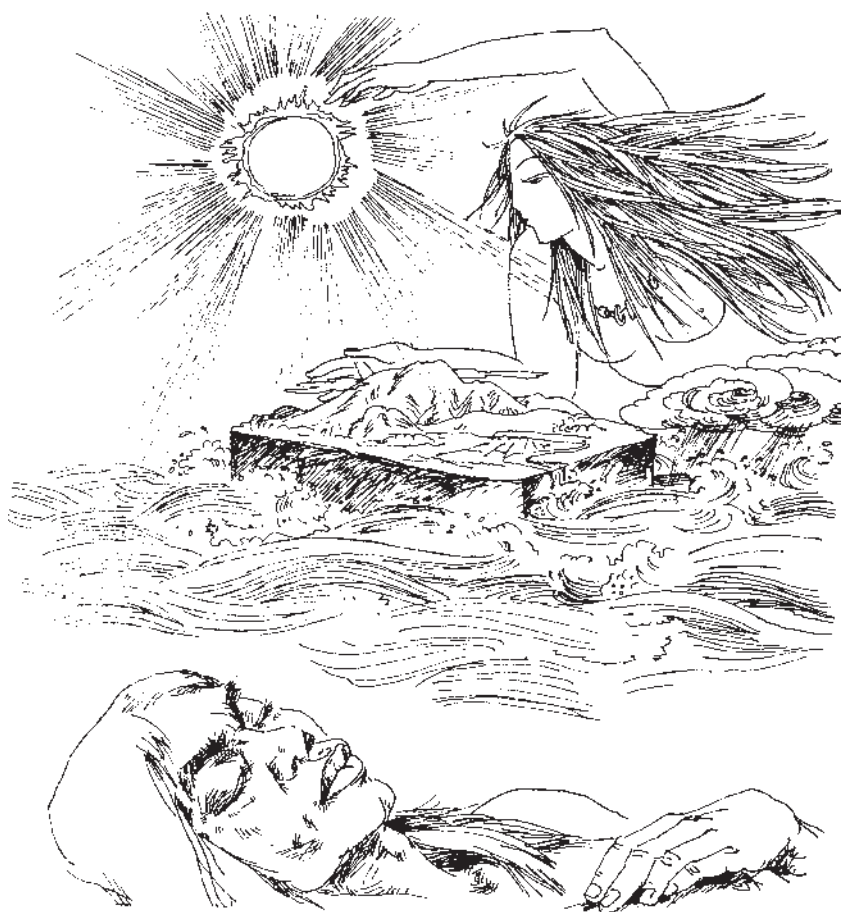
Nghe lời vua cha, các vị Quan lang xông vào bàn tán rồi ai về nhà nấy lo toan chuẩn bị. Họ vừa âu lo vừa vui mừng nhưng tất cả đều cố gắng làm cho kỳ được theo ước muốn của vua Hùng. Họ gom góp tất cả ốc xà cừ^{*} rồi hăng hái tỏa đi khắp nơi, người lên rừng, người xuống biển, người dong buồm ra khơi... cố săn lùng những món ngon vật lạ.



** Hồi đó, tuy hình thức trao đổi còn rất phổ biến nhưng dân Lạc Việt đã biết lấy ốc xà cừ (loại ốc biển) làm tiền tệ.*

Trong hai mươi hai vị Quan lang ấy có chàng Tiết Liêu, con thứ 18 của vua Hùng là nghèo nhất. Mẹ chàng mất sớm, không ai giúp đỡ, chàng không có một mẫu xà cừ nào. Trước yêu cầu của vua cha, Tiết Liêu vô cùng lo lắng không ăn, không ngủ. Trong khi các Quan lang khác rộn rã ngược xuôi, duy chỉ có chàng lủi thủi ra vào căn nhà đơn sơ của mình. Tiết Liêu khẩn trời, khẩn đất, khẩn thần Lửa, thần Gió và khẩn mẹ giúp mình kiếm ra vật quý, thể hiện được đạo hiếu của người con.





Một hôm, mệt mỏi vì quá suy nghĩ, chàng Liêu chột chột mắt thiếp đi và mộng thấy một vị thần. Thần bảo:

“Vạn vật trên đời là do Trời Đất sinh ra. Công ơn sinh thành và dưỡng dục của cha mẹ sánh bằng Trời Đất mới đủ. Mà trong Trời Đất không có gì quý hơn gạo. Gạo nuôi sống con người. Con hãy đem gạo nếp làm hai thứ bánh. Cái thứ nhất hình tròn, đó là Trời. Cái thứ hai hình vuông, đó là Đất; lấy thịt ngon đặt vào chính giữa làm nhân, tượng trưng cho trung tâm vạn vật; dùng lá xanh bọc bên ngoài tượng trưng cho cây cỏ, rừng núi, đồng ruộng”.



Giật mình tỉnh dậy, nhớ lại giấc mộng, Lang Liêu vô cùng sung sướng. Không một chút phân vân, chàng bắt tay ngay vào việc. Gạo nếp là lương thực hàng ngày nên đã có sẵn, nhưng tìm đâu ra thịt ngon? Từ khi mẹ mất trong nhà không còn nuôi heo, gà, trâu, bò nữa. Lang Liêu liền quyết định: “Ta sẽ đặt bẫy, chịu khó lặn lội tìm một con heo rừng là được”.

Lang Liêu vội vàng chuẩn bị đi. Chàng khoác chéo qua vai cánh cung dài, thẳng ngang bụng ống tên có mũi bịt đồng, tay cầm chiếc rìu và lên đường. Chàng đi vào rừng sâu hì hục đào ba cái hố, đoạn phủ cành lá lên trên miệng hố rồi tránh đi nơi khác kiên nhẫn chờ đợi. Để có thức ăn qua ngày Lang Liêu dùng cung tên đem theo săn một vài chú thỏ rừng, gà rừng. Chàng lấy hai hòn đá đập vào nhau để đốt lửa lên. Lửa hồng đem hơi ấm cho chàng, giúp chàng nướng thịt và xua đi các loài ác thú.





Cứ như thế, qua hơn bảy lần ông mặt trời thúc dậy thì một con heo rừng béo núc béo ních sụp bấy. Lang Liêu mừng vô hạn. Chàng vác heo về cột dưới sàn nhà để làm thịt. Sau đó chàng vào góc sàn bê ra một vò gạo nếp. Đây là thứ nếp quý toàn những hạt chắc mẩy tròn chẵn chẵn do chính tay chàng cày cấy trên mảnh ruộng của mình. Thứ nếp thơm này chàng chỉ dùng để nấu vào những ngày cúng mẹ.

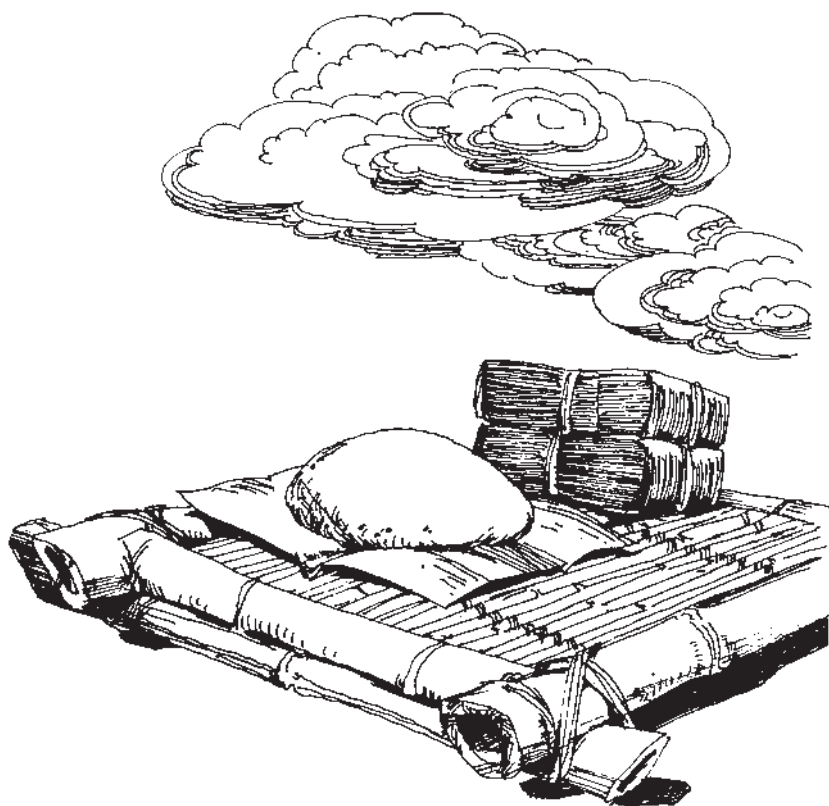
Chàng cần mẫn chọn bỏ đi những hạt thóc hoặc đất đá lẫn vào rồi vo thật sạch. Chàng chia nếp sạch ra làm hai phần, một phần dùng cho bánh Đất Vương, phần kia dùng cho bánh Trời Tròn. Có gạo có thịt rồi, Liêu xoay qua làm muối. Chàng xuống vườn nhổ vài bụi gừng đem rửa sạch rồi cho vào bếp than hồng để đốt lên lấy tro làm muối. (*)



* Thuở ấy, chưa biết dùng muối biển. Khi ăn uống, con người cứ thòm thèm thứ gì mặn mà nên thường lấy rễ tranh đốt lên lấy tro làm muối. Muối đậm đà nhất là làm từ rễ gừng.

Liêu mổ heo lấy thịt ướp cùng tro muối làm nhân. Đoạn chàng lấy lá bọc nếp thành hình vuông, đó là đất. Nhân được đặt vào giữa tượng trưng cho việc vạn vật chất chứa trong lòng đất. Xong xuôi, Liêu cột lại và bỏ vào nồi đồng lớn. Chàng nấu mãi, nấu mãi suốt từ lúc gà lên chuồng cho tới hôm sau bánh mới chín. Vì thế chàng gọi thứ bánh này là bánh Chung. Lang Liêu rất hài lòng có được những chiếc bánh Chung vuông vức với các đường lạt cột ngang dọc.





Chàng nấu phần nếp còn lại cho chín rồi đem giã nhuyễn thành một thứ bột dẻo trắng mịn, nặn bột thành hình những chiếc bánh tròn có mặt nổi vồng lên như một vòm trời màu trắng. Thứ bánh bằng bột nếp dẻo đặc, không ruột không nhân này được Lang Liêu gọi là bánh Giầy.



Cuối năm đã kề. Các Quan lang khác cũng đã tụ tập về Phong Châu từ lâu. Với các thức ngon vật lạ đem về từ các chân trời góc biển xa xăm, lòng họ đầy ắp hy vọng. Đến ngày hẹn, hai mươi hai vị Quan lang hồi hộp đem phẩm vật vào dâng vua. Thật là một cuộc đua tài đua sức phong phú. Vua vui vẻ hỏi han về nguồn gốc và ý nghĩa của từng món. Phẩm vật của Quan lang thứ nhất là gân nai hầm. Từng sợi gân trong vắt như pha lê cho thấy nó quý hiếm như thế nào.

- Thừa Bô, để có được những sợi gân này, thợ săn phải hạ hàng trăm con nai rồi chọn ra những con không già không non. Nai già thì gân khô, nai non thì gân bở. Họ chỉ lấy có 4 sợi gân ở 4 chân vì chân là nơi tích tụ sinh lực của nai. Những sợi gân này lại phải được phơi ngàn ngày dưới bóng cây quế. Ăn thứ gân nai này vào sẽ được nhanh nhẹn như nai trong rừng. Con đã đổi nó bằng tất cả số ốc xà cừ con có.

Vua Hùng than:

- Chỉ vì một món ăn mà phải giết hàng trăm con thú như thế sao?





Lang thứ hai trình bày món tay gấu:

- Phải là tay của loài gấu được giết chết vào những ngày buốt giá nhất khi máu trong người nó lạnh cóng không chảy được đến tay. Sau đó, tay gấu được ngâm trăm ngày trong mật ong, trăm ngày trong nước nhựa cây. Con đã phải dong thuyền đi đến một nơi rất xa xôi và đổi chiếc trống đồng đẹp nhất của con để lấy nó. Ăn được món này sẽ sống lâu trăm tuổi.

Vua Hùng lẩm bẩm:

- Muộn rồi! Tiên Vương đã chết rồi.

Lang thứ ba trình bày món nem công, chả phượng:

- Lấy thịt công, thịt phượng giã nhuyễn, gói thịt công lại để lên men ra món nem công. Thịt phượng cũng gói chặt đem luộc ra món chả phượng. Hai món này ăn rất ngon miệng.

Vua Hùng lắc đầu:

- Công và phượng là loài vật trời đất đã ban cho con người để ngắm nhìn mà quên nỗi cực nhọc, lẽ nào lại ăn những con vật đẹp thế như vậy sao?





Sau đó là các món ở biển, những con cá hình thù kỳ dị, con tôm con ốc khổng lồ. Vua Hùng lần lượt lắc đầu trước các món sơn hào hải vị phức tạp, lạ lùng ấy. Đến mâm cỗ của Lang Liêu, vua hết sức ngạc nhiên vì dáng vẻ đơn sơ của bánh Giày, bánh Chung. Bánh Chung, bánh Giày thật quả là mộc mạc khiêm nhường bên cạnh vẻ muôn hồng ngàn tía của các phẩm vật khác. Điều đó khiến vua Hùng rất tò mò:

- Lang Liêu, hãy cho ta biết đây là món gì, tại sao nó lại vuông tròn?



Liêu quỳ xuống kể lại giấc mộng và giải thích ý tưởng của mình:

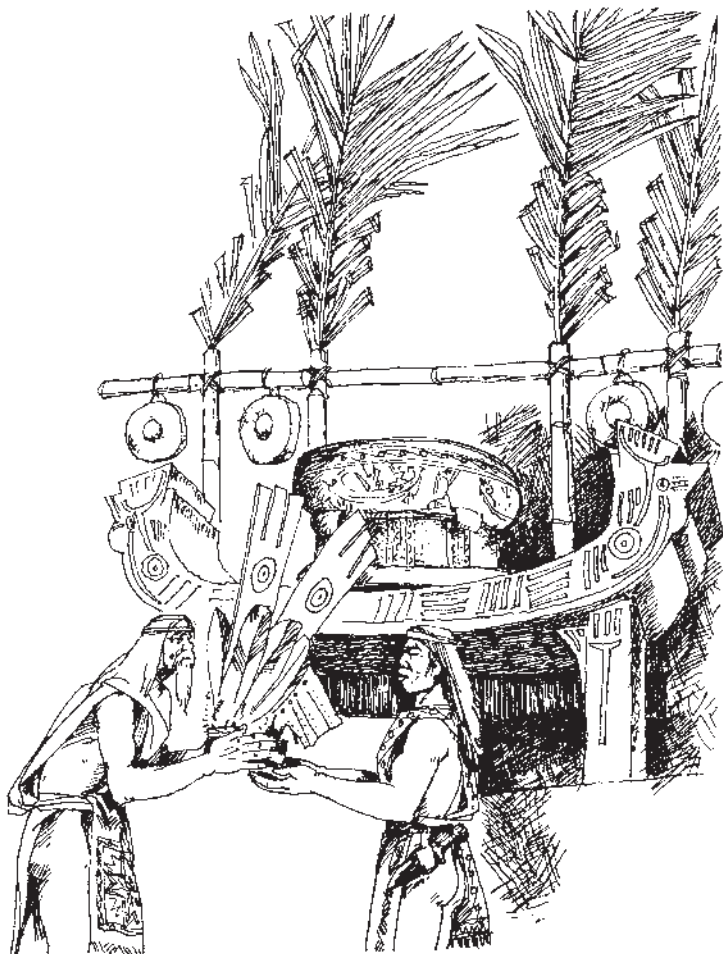
- Thưa Bô, hai thứ bánh này bày tỏ lòng hiếu thảo của người con, tôn Cha Mẹ như trời đất. Nó chứa đầy một tấm tình quê hương ruộng đồng, lại được làm bằng những hạt ngọc quý nhất trong những hạt ngọc của trời đất ban cho con người, nên ai cũng có thể làm được.

Nghe Liêu trình bày, vua Hùng thấu hiểu ý nghĩa cao quý của bánh Chung, bánh Giầy. Vua bèn cho bóc ra, lạ thay khi bóc lá chiếc bánh Chung vẫn mang màu xanh mượt như ruộng đang thì con gái. Vua nếm thử. Ô, chiếc bánh Chung với nếp thơm mùi lá chuối, lá dong, lại ngọt bùi sao mà đậm đà như tình mẹ. Còn chiếc bánh Giầy lại dày dặn tình cha. Vua Hùng gật đầu hài lòng, tuyên bố:

- Lang Liêu quả là người hiền. Muốn chăn dắt muôn dân thì phải biết trọng trời đất, tôn kính cha mẹ, yêu con người, mến phục cuộc sống, thương cái đẹp. Lang Liêu xứng đáng để ta truyền ngôi cho.



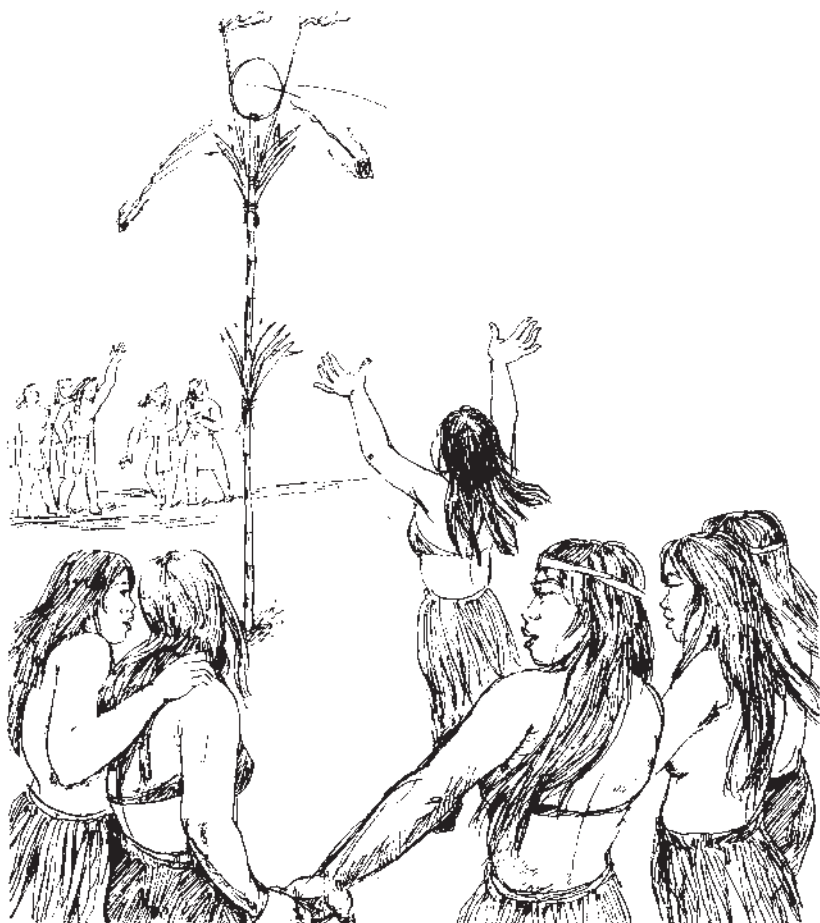
Vào ngày cuối năm vua làm lễ truyền ngôi cho Lang Liêu. Buổi lễ diễn ra giản dị nhưng trang trọng. Một bàn thờ gia tiên được bày ra với hoa quả, đĩa trầm hương, một chén nước và đặc biệt có thêm một cặp bánh Chung, bánh Giầy. Vua Hùng mặc áo đại lễ vái ba vái, đoạn khấn báo với tổ tiên việc truyền ngôi. Sau khi khấn xong vua lại vái ba vái, ý muốn nói từ nay vua xin phép được rời bỏ công việc trị vì nặng nề. Bên cạnh vua, Lang Liêu quỳ lãnh trọng trách.



Lang Liêu lên làm vua. Đó là Hùng Vương thứ bảy. Vua cho phép dân chúng mở hội ăn mừng. Từ khi bị giặc Ân quấy nhiễu cho đến nay dân Lạc chưa có buổi lễ hội nào. Vì thế dân chúng tung bừng, nô nức tham gia. Noi gương nhà vua, mọi người thi nhau nấu bánh Chung, bánh Giầy. Và từ đây món bánh Chung, bánh Giầy trở thành món truyền thống không thể thiếu được trong ngày Tết của người Việt, tục thi nấu cơm cũng hình thành làm phong phú thêm kho tàng văn hóa Lạc Việt. Để ngày lễ hội thêm tung bừng, các cô gái, các chàng trai cùng nhau tạo một trò chơi mới: Trò tung còn.



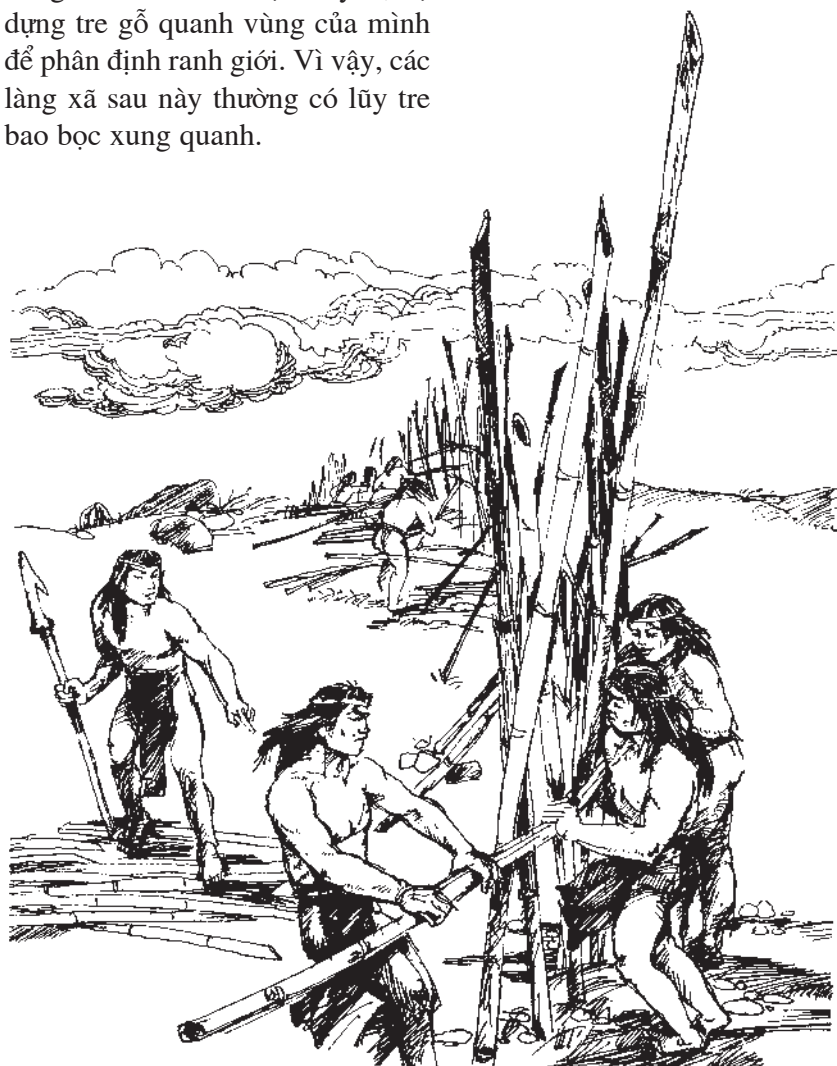
Còn là một trái bằng vải nhiều màu có hình vuông tám múi, bên trong lèn chặt các hạt bông. Các góc của trái còn được đính thêm các dải vải màu sắc sỡ. Một sợi dây chắc, dài được gắn vào một góc còn. Dây này cũng được gắn dải vải ngũ sắc, dùng để cầm và quay trái còn. Khi chơi hai bên nam nữ đứng cách nhau, tung còn qua một vòng tròn treo trên một cây tre trồng ở giữa. Ai tung lên được một đường còn uốn lượn rồi chui qua vòng thì sẽ được một năm mới may mắn.



Chàng trai thương một cô gái thì tung thẳng còn vào cô gái ấy. Nếu cô gái bắt lấy còn và tung trở lại cho chàng trai, ấy là cô gái đồng ý. Tung qua ném lại nhiều lần, tạo nên những đường còn lả lướt là dấu hiệu hạnh phúc sẽ tới. Trò chơi tung còn hào hứng xuất phát từ đây và dần dần trở thành một trò chơi dân gian - và còn được gọi là Tung còn tìm bạn tình. Hiện nay, nhiều dân tộc ít người vẫn duy trì trò chơi này.



Sau khi dân chúng hồ hởi đón xuân mới và ăn mừng có được vị vua hiền, Lang Liêu cho 21 Quan lang khác chia nhau đi cai trị các vùng của đất nước. Tục truyền, họ dựng tre gỗ quanh vùng của mình để phân định ranh giới. Vì vậy, các làng xã sau này thường có lũy tre bao bọc xung quanh.



TRẦU CAU



TÔN NỮ QUỲNH TRẦN - VŨ DŨNG

Bên cạnh truyện bánh Chung, bánh Giầy nói lên công ơn cha mẹ và nguồn gốc của chiếc bánh Chung ngày Tết của người Lạc Việt, truyện Trầu Cau nói lên tình cảm anh em mặn mà, tình vợ chồng thắm thiết. Anh em, vợ chồng cùng chết để hóa thân thành Trầu Cau Vôi, một chất gây say cho người, làm đẹp cho các cô gái, nối tình yêu cho các cặp thanh niên nam nữ.

Về mặt lịch sử, truyện Trầu Cau cho chúng ta hiểu người dân Lạc Việt lúc đó con cái đã biết yêu kính cha mẹ, anh em thương yêu nhau, em nhường nhịn cho anh... Đây là một mốc phát triển quan trọng trong cuộc sống tinh thần của con người Việt Nam. Truyện còn cho biết nguồn gốc của tục ăn trầu và dùng trầu cau trong lễ cưới hỏi của dân Lạc Việt.

Vào thời Hùng Vương thứ 12 có một vị Quan lang tầm vóc cao lớn khác thường, ông được vua Hùng yêu mến, triệu về kinh đô Phong Châu khen thưởng và ban cho chữ Cao để làm họ. Ông bà có hai người con trai, người anh tên là Tân và người em tên là Lang. Hai người giống nhau như tạc, người trong nhà ngay cả bà mẹ cũng khó phân biệt được ai là Tân và ai là Lang.

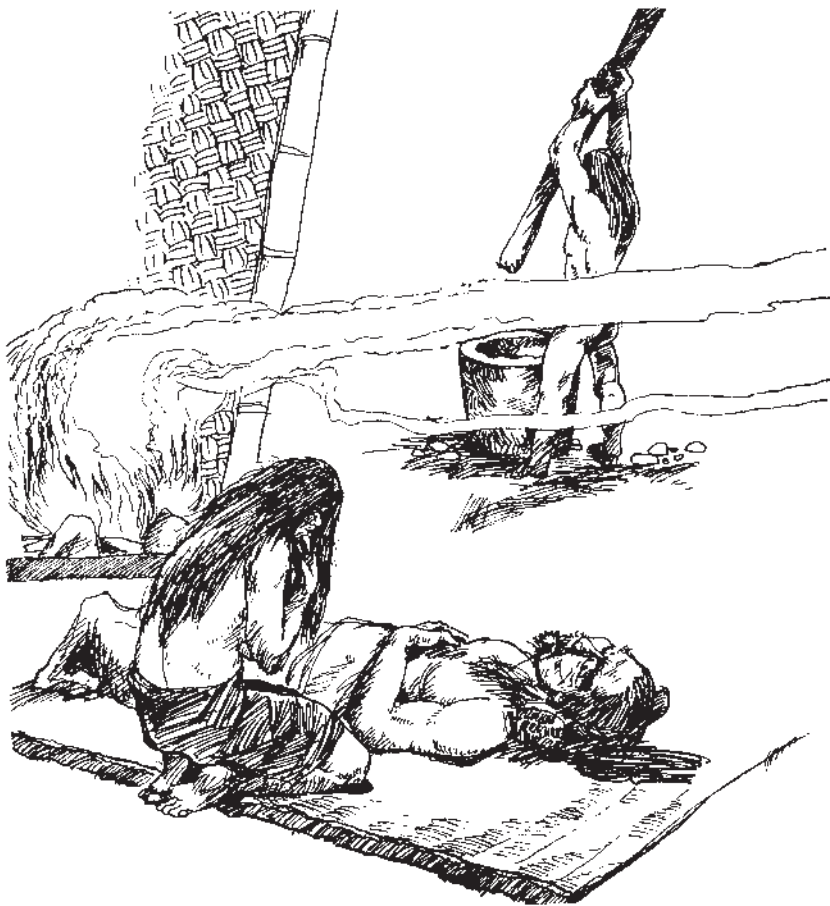


Để không lẫn giữa hai anh em, bà Cao cho chúng mặc mỗi đứa một màu khố. Khố của Tân màu nâu còn khố của Lang màu lam. Tân và Lang rất yêu thương khăng khít với nhau. Chúng thề nguyện là sẽ bên nhau suốt đời, không một ai có thể chia cắt tình anh em ruột thịt. Chúng chia cho nhau từng quả cà, từng nắm cơm lam. Đi khe, đi suối vẫn cùng nhau không rời. Săn được thú thì cũng anh khiêng em vác.





Trò chơi ưa thích nhất của Tân và Lang là đổi khó giả dạng lẫn nhau để trêu bạn bè. Những buổi biểu diễn vừa thổi kèn vừa công nhau nhảy múa của Tân và Lang luôn luôn là trọng tâm của các lễ hội. Tuổi niên thiếu của Tân và Lang trôi qua êm đềm trong tình thương yêu của cha mẹ. Thấm thoát hai anh em đã đến tuổi trưởng thành.



Sau buổi lễ thành đinh^(*), ông bà Cao gửi Tân và Lang theo học đạo sĩ Lưu Huyền. Chẳng bao lâu sau ông Cao lâm bệnh nặng và từ trần. Theo phong tục thời ấy, Tân giã vào cối. Âm thanh lẻ loi của một chiếc chày va vào cối vang qua núi đồi khe suối trong đêm thanh vắng là tín hiệu thông tin cho láng giềng, làng xã biết có người lia đời và tang quyến cần sự giúp đỡ.

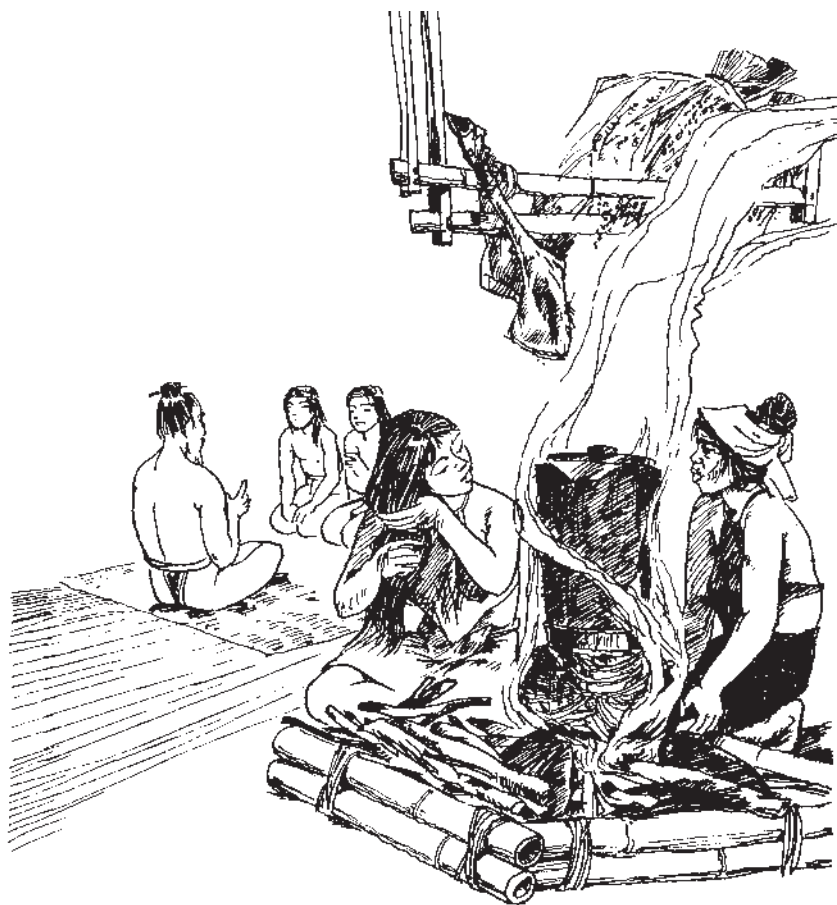
* Lịch sử Việt Nam bằng tranh tập 2: phần Con Rồng Cháu Tiên.

Lòng nặng trĩu buồn đau, hai anh em nhờ hàng xóm giúp mẹ trông nom nhà cửa rồi đi sâu vào rừng. Họ cố tìm cho được một cây cổ thụ vừa ý rồi đốn xuống. Suốt ngày trời họ cắt nhánh tĩa cành rồi đẽo đục. Họ khoét rỗng thân cây để làm cho cha một chiếc quan tài. Đến chiều thì hoàn thành. Đó là chiếc quan tài có hình dáng như một chiếc thuyền. Họ khiêng về để cùng bà Cao tiến hành việc khâm liệm.





Ở nhà bà Cao cũng đã sửa soạn mọi thứ sẵn sàng. Bà gom lại những vật dụng mà ông Cao vẫn thường dùng hàng ngày như nồi niêu, chén bát, mâm đồng, lọ đồng, chiếc rìu, chiếc cuốc... và đặc biệt cả bộ cung tên vì ông vốn là một thợ săn bắn bách phát bách trúng. Những thứ ấy được để trong quan tài chôn theo ông Cao. Đây là tục lệ chia gia tài cho người chết. Con người trong khi sống đã lao động để có được của cải thì khi chết có quyền đem theo một số thứ cần thiết. Con người thời ấy quan niệm về của cải vật chất và về sự công bằng như thế.



Chôn cất ông Cao xong, do lòng thương nhớ chồng, bà Cao phát bạo bệnh và chỉ vài tháng sau là đi theo ông Cao về suối vàng. Trở nên cô cút, Tân và Lang ở hẳn bên nhà của đạo sĩ họ Lưu. Tân và Lang hiền lành, chăm chỉ, vì thế họ được gia đình họ Lưu thương yêu. Đặc biệt cô Lưu Liêu, con gái của ông bà Lưu Huyền quan tâm săn sóc hai anh em từng bữa cơm.



Lưu Liêu cũng cùng lứa tuổi với Tân và Lang. Cô xinh xắn, lanh lợi và vẫn thường quấy gù theo hai anh em vào rừng mỗi khi họ đi săn để giúp thu lượm thú. Tuy gần gũi với Tân và Lang nhưng cô vẫn không phân biệt được ai là anh và ai là em, bởi vì từ khi mẹ mất, Tân và Lang lại dùng khố lẫn với nhau và không hề thổ lộ cho biết mình là ai. Liêu vô cùng tò mò và muốn khám phá ra sự thật.



Cuối cùng cô cũng đã tìm ra một cách. Nguyên vào thời bấy giờ cuộc sống trong gia đình người dân Văn Lang đã có trên có dưới: Cha mẹ lo cho con, con cái vâng lời cha mẹ; anh thương em, em nhường anh. Biết như vậy, một hôm cô Liêu dọn cơm cho hai anh em ăn nhưng trớ trêu chỉ để trên mâm một cái chén và một đôi đũa. Sau đó, cô lúi vào trong và núp sau bức vách để quan sát.

Tân và Lang vô tình không biết, ngồi vào mâm để ăn. Thấy chỉ có một đôi đũa và một cái chén, Lang bèn cầm lên mời anh ăn trước. Liêu trông thấy và từ đấy phân biệt được anh em.

Thấy con gái đã đến tuổi lập gia đình, ông bà Lưu Huyền muốn chọn Tân hoặc Lang làm rể. Một hôm ông bà Lưu hỏi ý kiến con gái. Liêu cho mẹ biết là cô muốn lấy người anh. Tân lâu nay cũng đã để ý tới Liêu. Biết Liêu thương mình, chàng thấy không còn gì hơn nữa.





Để chuẩn bị cho đám cưới, Tân và Lang đi chặt cây dựng một căn nhà mới tinh còn thơm mùi tre gỗ. Giống như những căn nhà khác vào lúc ấy, nhà của họ cũng được làm bằng gỗ, tre, nứa, lá. Mái cong hình thuyền chấm sát sàn nhà tạo nên không gian ấm cúng cho những bữa cơm gia đình. Họ còn làm thêm một căn nhà nhỏ để làm kho bên cạnh căn nhà chính. Nơi đây họ chứa lúa và các vật dụng làm ruộng, săn bắt.

Sau đám cưới Tân đón vợ về căn nhà mới, Lang cũng ở chung với anh và chị dâu. Từ khi có vợ, bận rộn với tình cảm gia đình, Tân không còn chăm sóc Lang chu đáo như xưa dù vẫn rất thương yêu em. Những ngày đầy ắp hạnh phúc của tuổi thơ không còn đến với Lang nữa. Điều ấy làm cho Lang không ngăn được tâm trạng tủi hờn. Anh trở nên ít nói, dễ buồn, dễ giận, thường lang thang một mình trong rừng, nhưng những điều ấy vẫn không được Tân để tâm đến.





Một hôm Tân và Lang cùng đi săn. Ông mặt trời sắp đi ngủ, nhưng Tân vẫn đang say mỗi, anh bèn bảo Lang về trước báo tin cho Liêu còn mình thì đuổi theo con thú.

Lang lúi thủi quay trở về một mình trong ánh sáng chập choạng của buổi hoàng hôn. Lúc ấy Lưu Liêu đang đứng cạnh cầu thang trông ngóng. Thoáng thấy bóng người, Liêu vội vàng chân thấp chân cao chạy ra đón. Trong khi hồi hã, vả lại trời cũng đã tối đen, Liêu cứ ngỡ là chồng nên nàng âu yếm ôm lấy Lang, thủ thủ:

- Chàng về muộn, em mong quá!

Biết chị dâu lầm mình với anh trai, Lang rất bối rối. Chàng gỡ tay chị dâu kêu lên:

- Thưa chị, em là Lang đây.

Sững sờ, Liêu rút tay lại. Không biết phải làm gì, nàng im lặng quay trở vào nhà.

Lang cảm thấy vừa khó xử, vừa ngượng ngùng: “Anh ta đã lộn lạt với ta, bây giờ thêm chuyện này nữa, chắc anh ấy sẽ hất hủi ta thêm thôi. Chi bằng ta hãy rời bỏ chốn này”.





Thế là Lang quyết ra đi. Nhắm hướng về làng quê cũ, anh đi mãi, đi mãi. Đêm đã khuya, sương đã xuống, một con sông sâu chắn bước chân anh. Không một bóng người, không một chiếc thuyền, chỉ có làn sương mờ lãng đãng trên mặt nước lạnh lùng. Lang ngồi xuống bên bờ gục đầu khóc nức nở. Trả lời anh là tiếng chim đêm lẻ loi. Nước mắt càng chảy, Lang càng tủi thân.



Những hình ảnh hạnh phúc của quá khứ xuất hiện chập chờn trước mắt anh. Cảnh hai chú bé Tân, Lang nghịch ngợm, cõng nhau nhảy múa cuốn hút anh vào cơn mê. Và cứ như thế, anh chìm dần, chìm dần vào cõi hư không. Anh đã biến thành hòn đá cô đơn bên cạnh bờ nước. Nước vẫn vô tình róc rách trôi. Lá rừng vẫn vô tình xào xạc lay. Có ai hay chăng nỗi lòng cay đắng của Lang?

Về phần Tân, sau khi Lang đã trở về, anh cũng bắn hạ được con mồi. Đó là một con nai non với cặp gạc mới nhú và bộ lông mượt mà. Anh sung sướng thốt lên:

“Ta sẽ dành cho em Lang bộ lông để may áo cho mùa lạnh tới. Đã lâu rồi hình như ta không chăm sóc em”. Lòng hớn hở, Tân quảy con thú lên vai quay về nhà, Liêu đang ngồi buồn bã bên bếp lửa heo hắt.



Thấy Tân, Liêu vội vàng đứng lên, nước mắt lưng tròng, kể lại chuyện xảy ra:

- ...thế rồi chú ấy quày quả đi, đến bây giờ vẫn chưa thấy về.

Tân bâng hoàng ngồi xuống, cố giọng nói:

- Chắc là chú ấy đi đâu đó, ta chờ xem.

Hai người ngồi bên bếp lửa ngóng chờ. Bếp lụi, trời hùng sáng vẫn không thấy Lang đâu. Lòng Tân vô cùng lo âu và hối hận.



Tân tê tái nhận thấy mình đã vô tình hững hờ cùng em lâu nay, anh đau đớn thốt lên:

- Bây giờ em ở đâu Lang ơi! Anh đi tìm em đây.

Tân đi theo lối mòn mà hôm trước Lang đã đi qua. Những cành cây gãy, những vết chân trên cỏ chỉ lối cho anh. Anh lần theo dấu vết cho đến bờ sông thì thấy bóng Lang vẫn còn ngồi bên bờ nước. Tân mừng rỡ chạy đến ôm chầm lấy em, nhưng than ôi, Lang đã hóa thành hòn đá vô hồn.





Đau đớn cực độ, Tân ngã xuống chết, hóa thành một cây thân cao mọc thẳng tắp, có tán lá phía trên như chiếc lọng. Cây xòe lá như muốn ôm choàng che chở cho người em ở dưới khỏi nắng mưa.

Lại nói Liêu ở nhà đợi mãi không được, cô cũng lên đường đi kiếm chồng và em. Đến bờ sông thấy bên cạnh hòn đá mang dáng hình của Lang và một cây cao lạ lùng chưa từng có, Liêu ngồi xuống ôm lấy thân cây khóc than rồi chết và biến thành một loại dây leo âu yếm quấn quanh thân cây.



Ông bà Lưu Huyền không thấy ba người về cũng bỏ đi tìm. Họ đến được bên bờ sông thì thấy hòn đá và hai cây lạ. Họ hỏi thăm và được dân trong vùng kể lại chuyện. Hai ông bà đau xót lập miếu thờ ba người. Trước tấm gương anh em hòa thuận, vợ chồng tiết nghĩa, dân chúng quanh vùng thường xuyên thờ cúng hương khói. Một năm vào tiết tháng bảy nóng rực, trời khô hạn, cây cỏ chết héo nhưng hai cây lạ vẫn xanh tươi um tùm.

Vua Hùng đi tuần du ngang đấy, thấy lạ, vua hỏi thăm thì được nghe kể lại câu chuyện thương tâm kia. Vua bồi hồi nhớ lại vị Quan lang mà vua đã từng ban cho họ Cao. Vua sai người trèo lên cây hái trái, đoạn vua thân hành nhai trái lạ cùng lá dây leo. Lá cay và trái chát hợp thành một vị nồng thơm ngát làm vua ngây ngất như vừa uống xong ly rượu nếp thơm. Vua lại nhổ nước xuống hòn đá thì một màu đỏ như máu xuất hiện. Vua cảm động kêu lên:

- Quả đúng là họ. Chỉ có tình yêu của họ mới nồng nàn như men rượu và son sắt như máu đào thế này.



Vua Hùng ra lệnh cho mọi nơi phải trồng loại cây ấy. Dần dần dân Lạc Việt ưa thích ăn trâu cau. Nhất là các cô gái, bởi vì miếng trâu cau có quệt tí vôi từ hòn đá, khi ăn vào họ thấy người vui vẻ, môi đỏ má hồng, xinh đẹp hẳn lên, ăn nói thì lại hoạt bát ra. Từ đó ăn trâu thành thói quen, cứ gặp nhau là mời nhau ăn trâu, sau đó mới bắt đầu câu chuyện. Vì thế trong dân gian có câu: “Miếng trâu là đầu câu chuyện”.



Về sau vua Hùng ra lệnh dùng trâu cau và vôi vào các cuộc cưới hỏi. Trâu cau và vôi trở thành những thứ không thể nào thiếu được trong bất kỳ hôn lễ nào. Tục lệ ấy vẫn còn cho đến bây giờ. Dân chúng ca tụng tính chất nồng nàn của trâu cau như sau:

*“Đêm khuya thiệp mới hỏi chàng
Cau khô ăn với trâu vàng xứng không?”*



QUẢ DƯA ĐỎ



PHAN AN - VŨ DŨNG

Sự tích quả dưa đỏ, hay còn gọi là dưa hấu kể về Mai An Tiêm, một người lao động biết tin vào bản thân, kiên trì và sáng tạo đã đạt được vinh quang lớn lao, tìm ra một loại dưa mới quý giá đem lại cho đất nước nguồn lợi lớn. Cũng thông qua câu chuyện các em sẽ biết các hoạt động kinh tế dưới thời vua Hùng. Nghề nông lúc bấy giờ không chỉ phổ biến trên vùng đồng bằng mà còn có xu hướng mở rộng ra ven biển và các hải đảo. Ngoài việc trồng lúa, ông cha ta còn thuần hóa thêm nhiều loại cây trồng mới có năng suất chất lượng cao trong đó có dưa hấu. Sự trao đổi hàng hóa bằng đường biển với các nước khác đã mở rộng tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển. Vì vậy xã hội cuối thời các vua Hùng đã có sự phân hóa, ngoài tầng lớp vua quan, thứ dân còn có tầng lớp thấp kém nhất là nô lệ. Số nô lệ này là những người vi phạm luật lệ trong công xã hoặc do nước khác đem đến trao đổi. Công việc chủ yếu của họ là hầu hạ trong gia đình vua và các lạc hầu, lạc tướng. Nhưng họ vẫn có điều kiện vươn lên các tầng lớp trên nếu họ kiên trì chịu khó và thông minh sáng tạo.

Hình ảnh Mai An Tiêm cũng là sức sống mãnh liệt của dân tộc ta trong buổi đầu dựng nước. Trải qua bao gian nan, khó khăn, nhờ cần cù dũng cảm và thông minh, nhân dân ta đã đứng vững và không ngừng đi lên.



Vào cuối thời Hùng Vương, từ khi trống đồng và các sản vật như ngà voi, sừng tê giác, ngọc trai... được đem trao đổi trong vùng^(*), nhiều nơi biết tiếng nước Văn Lang, thường cho tàu buôn chở hàng hóa qua lại trao đổi. Một lần, có thuyền buôn từ phương Nam tới dâng lên vua một chú bé bị bắt làm nô lệ. Thấy chú bé khôi ngô, nhanh nhẹn, vua Hùng rất yêu đặt tên là Mai An Tiêm và cho hầu hạ bên mình.

* Tức các nước trong vùng Đông Nam Á bây giờ.



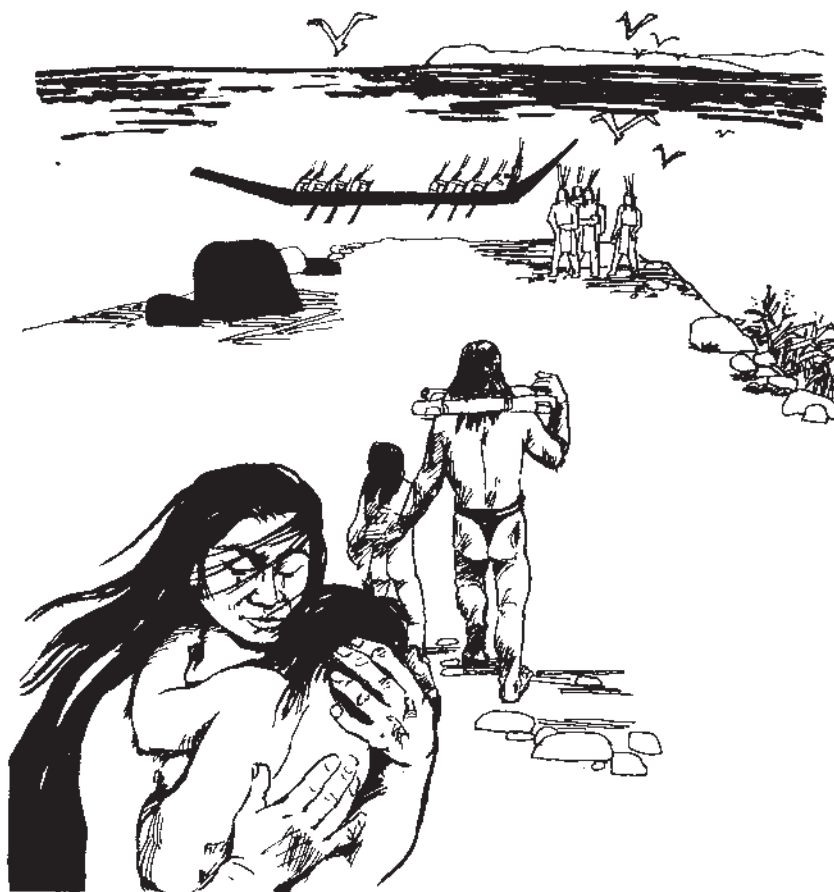
Lớn lên Mai An Tiêm tỏ ra là một người thông minh, tháo vát và kiên nhẫn. Chàng được vua Hùng tin cậy và thỉnh thoảng hỏi ý kiến những công việc triều chính. Việc gì vua giao chàng cũng tỏ ra am hiểu và làm đến nơi đến chốn. Vì thế vua Hùng càng ngày càng thương yêu và ban cho chàng một người thiếp làm vợ cùng nhiều bổng lộc quý giá.

Một thời gian sau, viên quan cai quản các nô lệ phạm lỗi, vua Hùng bèn bãi chức và cho Mai An Tiêm thay thế. Việc nhà vua đưa một nô lệ lên làm quan khiến cho một số người không thuận. Họ cho rằng vì Mai An Tiêm khéo lấy lòng nhà vua mới được như vậy. Chuyện đến tai An Tiêm, trong bữa tiệc mừng, chàng chỉ mọi thứ quanh mình nói:

- Tất cả của cải trên đời đều do sức lực và đôi bàn tay khéo léo của mình làm nên cả.



Chộp được câu nói cho là ngạo mạn ấy, những kẻ xấu bụng ghen ghét vội vàng tâu lại với nhà vua kèm theo những lời xúc xiểm độc ác. Không biết rõ đầu đuôi câu chuyện, vua Hùng đâm ra nghi ngờ, ngài nghe theo lời bàn của một Lạc hầu, bèn hạ lệnh cho đầy cả gia đình An Tiêm ra đảo xa ngoài khơi (nay là cửa biển Nga Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa) và chỉ cho đem theo một ít đồ dùng cùng một bồ lúa đủ ăn trong một thời gian ngắn.



Bước chân xuống hòn đảo hoang vu, bốn bề sóng vỗ, An Tiêm bình tĩnh an ủi vợ con. Như những người dân lần đầu đến vùng đất mới, chàng lấy một nắm gạo, một nắm muối và một bát nước lã thay rượu bày ra trên mặt đất để làm lễ tế thần Đất. Chàng quỳ xuống khấn vái trời đất phù hộ cho gia đình chàng qua cơn hiểm nghèo, làm ăn thuận lợi. Rồi chàng tưới nước xuống đất và vãi gạo muối ra bốn phương.



Sau đó An Tiêm chọn một chỗ đất quang đãng gần suối và cùng vợ con chặt cây, gác tạm một túp lều nhỏ. Vốn tài khéo léo, chỉ với một dụng cụ duy nhất và chiếc rìu trong tay, An Tiêm nhanh chóng hoàn tất ngôi lều có sàn cao và mái lợp bằng lá khá chắc chắn. Chung quanh lều chàng còn làm thêm một vòng rào kiên cố để phòng thú dữ.





Để dành số thức ít ỏi làm giống, ngày ngày An Tiêm len lỏi trên đảo săn bắt thú. Chàng phát bụi rậm tạo thành một lối mòn, đặt các bẫy dọc theo đường để bắt chồn cáo, chàng lại làm các loại bẫy dè, hầm sục để bắt heo rừng, nai. Có lần cả đàn heo rừng sa xuống hố bẫy, ăn thịt không hết, chàng phải xẻ thịt phơi khô hun khói để ăn dần. Hồi còn ở đất liền vốn tháo vát và chịu khó học hỏi, An Tiêm còn biết một số cây củ còn là những thứ thuốc chữa bệnh rất hiệu nghiệm.

Trong khi đó vợ con chàng xuống biển mò ốc, bắt cua, cá hoặc đi hái các thứ quả rừng, rau mọc hoang trên đảo, các loại nấm đem về làm thức ăn.

Ngoài những lúc tìm kiếm thức ăn, An Tiêm cùng vợ con khai hoang, vỡ đất gần nhà để làm rẫy tủa lúa. Những cây bị phạt, bị đốt được để nguyên trên rẫy cho khô nỏ rồi đốt thành tro. Đến mùa mưa, chàng cùng vợ dùng vậ nhọn chọc lỗ tra lúa. Hết mùa mặng mọc, mùa heo rừng đẻ con, khi hoa rừng nở tím, nhờ mưa thuận gió hòa, lúa trở đồng rồi chín. Từ đó bữa ăn của gia đình chàng đã có những bát cơm thơm dẻo bên cạnh các loại rau củ mọc hoang trên đảo được vợ con chàng lấy giống về xới đất trồng khắp nơi quanh lều.



Cuộc sống gia đình An Tiêm tuy vất vả, thiếu thốn nhưng thật sum vầy ấm áp. Những lúc rảnh rỗi, vợ chàng tước những sợi đay dai, đan khố đan áo cho cả nhà. An Tiêm còn dạy cho các con đan lát các loại đồ dùng bằng mây tre... Nhờ lao động cần cù, tháo vát, gia đình An Tiêm vượt qua những khó khăn ban đầu, cuộc sống ngày càng dễ chịu hơn.

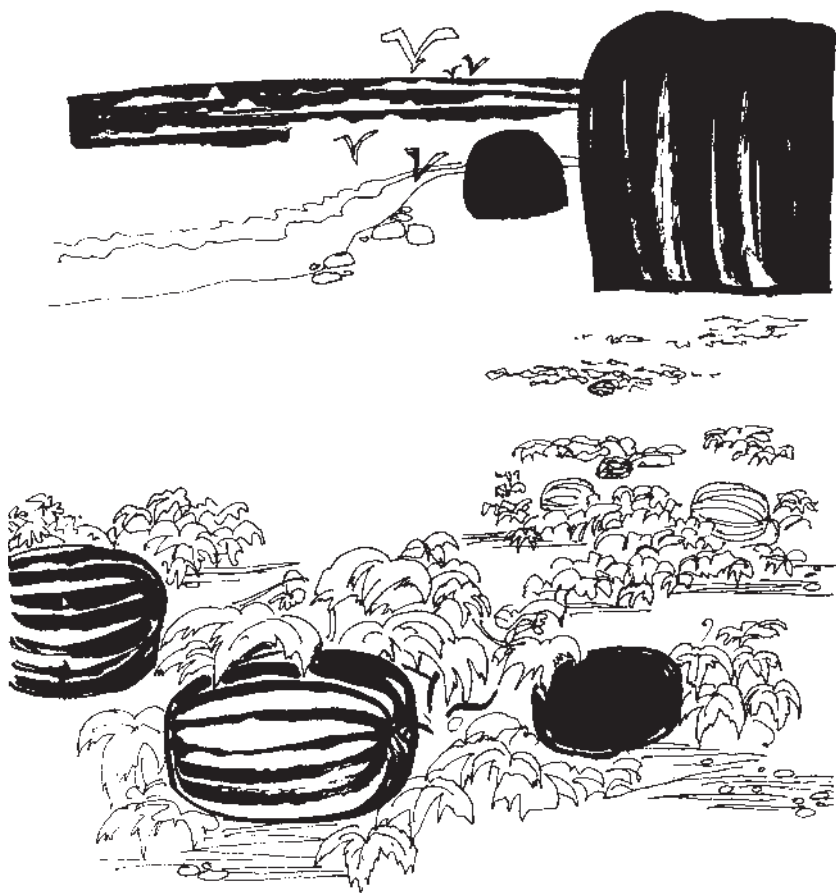


Một chiều trên đường trở về nhà sau cả ngày lao động mệt mỏi, ngang qua một mỏm đá, An Tiêm chợt thấy một đám những hạt nhỏ màu đen. Chàng dừng lại, tò mò xem xét, thì ra là những hạt nằm lẫn trong vết phân chim đã khô cứng. Chàng nghĩ: “Đã là hạt cây thì chắc phải nảy mầm khi uơm, và quả chim ăn được thì ắt hẳn người cũng ăn được”. Vì vậy chàng thận trọng gỡ lấy những hạt nhỏ mang về nhà.





Ngày hôm sau, An Tiêm không đi săn thú. Chàng cùng vợ con xới kỹ mảnh đất trước nhà và uơm vào đấy những hạt giống nhặt được trong đám phân chim. Chàng còn chẻ tre thành những cọc nhỏ rào giậu cẩn thận. Ngày ngày cả nhà thay nhau tưới nước, chăm chút giữ gìn những hạt giống đang uơm.



Không bao lâu, nơi uơm hạt giống, những lá mầm đầu tiên nhú lên. Rồi dần dần những thân dây dài, đầy lá xanh non bò lan khắp mặt đất. Vài tuần trăng trôi qua, trong đám lá xanh đã rộ bóng hoa vàng kết nụ. Chẳng mấy lúc, những trái to lớn bằng đầu người, vỏ xanh bóng thẫm rải đầy cả một khoảng vườn rộng...

An Tiêm hái một quả bồ ra. Bên trong lớp vỏ dày màu xanh là một lớp ruột đỏ hồng, điểm những hạt đen nhánh. Chàng ăn thử thấy vị ngọt ngào, thơm mát, trong người khỏe khoắn dễ chịu. Sau khi chọn những quả to nhất, mọng nước, cúng tạ ơn trời đất, cả nhà cùng nhau bồ dưa ăn thỏa thích. Vợ chồng An Tiêm mừng vui, vì từ nay có thêm một nguồn sống mới quý giá.





Những ngày sau đó, vợ chồng, con cái An Tiêm ra sức vỡ đất khẩn hoang trên đảo để trồng thêm nhiều dưa. Bãi đất quanh lều phủ đầy một màu xanh ngọc bích, cùng những quả dưa bóng mượt no tròn sắp lóp đốm đây trông thật thích mắt.

Một lần, có một chiếc thuyền buôn gặp bão, ghé lại đảo. An Tiêm tiếp đón họ chu đáo và đãi khách những quả dưa lạ, quý hiếm. Tiếng đồn lan xa, từ đó các thuyền buôn tập nập ghé đảo đổi các hàng hóa, sản vật để lấy dưa mang đi bán khắp nơi.





Cuộc sống của gia đình An Tiêm nhờ nguồn lợi trồng dưa đã thay đổi hẳn. Túp lều lụp xụp ngày xưa đã được thay bằng căn nhà gỗ cao ráo khang trang. Trong nhà đồ đạc vật dụng quý hiếm không thiếu thứ gì. Ngoài sân lợn, gà, gia súc đầy đàn, nương lúa, bãi dưa xanh tốt. Nhiều gia đình ra đảo xin vỡ đất khai hoang biến hòn đảo trở thành một nơi trù phú đông đúc.

Tuy cuộc sống đã thay đổi nhưng An Tiêm vẫn không nguôi nỗi nhớ về đất liền. Lòng biết ơn của chàng đối với vua Hùng vẫn sâu đậm. Dù nhà vua có dày chàng ra đây nhưng bao giờ chàng cũng coi Người là người cha đã sinh ra chàng lần thứ hai. Nếu không có nhà vua, cuộc đời nô lệ của chàng đâu có ngày hôm nay. Nghĩ vậy, khi có thuyền trở về đất liền chàng liền chọn những trái dưa to ngon nhất gửi biểu vua Hùng.



Lại nói ở Phong Châu, sau khi đày An Tiêm đi, tướng chàng đã chết, vua Hùng cảm thấy hối tiếc vì đã xử oan uổng cho một người tài giỏi.

Những lúc không vừa lòng ai chuyện gì, nhà vua thường trù mếu nhắc đến tên chàng. Một hôm nghe quân lính vào tâu Mai An Tiêm gửi biếu một thuyền dưa, nhà vua vô cùng sung sướng. Được biết chàng không những còn sống mà lại còn có nhiều của cải, vua Hùng mừng rỡ lệnh cho một đội thuyền tức tốc đi đón gia đình Mai An Tiêm.





Lễ đón tiếp gia đình Mai An Tiêm trở về triều đình được tổ chức trọng thể. Vua Hùng thân chinh ra tận bến sông đón Mai An Tiêm lên bờ trong nỗi hân hoan vui mừng của mọi người dân Lạc Việt.

Trước mặt các Lạc hầu, Lạc tướng, nhà vua tuyên bố phục hồi chức tước, trọng dụng An Tiêm như cũ. Từ đó nhà vua lại giữ An Tiêm bên mình và càng yêu quý chàng hơn trước bội phần. Ngài luôn nhắc tới câu nói ngày trước của chàng và kể về tám gương lao động kiên trì của chàng trong những buổi lễ thành đình của trai tráng.

Trở về đất liền, An Tiêm không quên mang theo rất nhiều hạt giống loại dưa quý để dâng vua. Vua Hùng giao cho các Lạc tướng phân bố cho các Bộ chính để trồng khắp cả nước. Từ đấy, trên những bãi biển, giồng đất hoang đã mọc đầy một giống dưa gọi là dưa Tây hay dưa đỏ vì ruột dưa thắm màu hồng ngọt mát, sau này dưa đỏ còn được gọi là dưa hấu^(*) cho đến bây giờ.



* Có sách nói chữ “hấu” là do người Tàu ăn thấy ngon và khen “hảo”, nhưng người ta đọc trại thành chữ “hấu”.



Để nhớ ơn Mai An Tiêm, dân Lạc Việt tôn chàng là “Bố Cái Dưa Tây”. Bây giờ, chỗ gia đình An Tiêm sống nơi hải đảo người ta vẫn còn gọi là bãi An Tiêm. Những người kế tiếp công việc của vợ chồng chàng trên đảo vẫn còn dòng dõi đông đúc. Họ lập thành làng gọi là làng Mai An. Ở ngôi nhà cũ của gia đình chàng, họ lập đền thờ vợ chồng Mai An Tiêm.

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 3
HUYỀN SỬ ĐỜI HÙNG

Trần Bạch Đằng *chủ biên*
Tôn Nữ Quỳnh Trân - Phan An *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT
Biên tập: CÚC HUONG - LIÊN HUONG
Biên tập tái bản: TÚ UYÊN
Bìa: BIÊN THÙY
Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN
Trình bày: VŨ PHƯỢNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)
161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM
ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450
Email: info@ybook.vn
Website: www.ybook.vn



*Đền thờ Mai An Tiêm
ở chân núi xã Nga Phú, huyện Nga Sơn, Thanh Hóa*

Sự tích quả dưa đỏ kể về Mai An Tiêm, người lao động biết tin vào bản thân, kiên trì và sáng tạo đã đạt được vinh quang lớn lao, tìm ra loại dưa mới quý giá đem lại cho đất nước nguồn lợi lớn.

